

Số: ~~1772~~/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường thuộc dự án đường
Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng,
điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND
tỉnh ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà
nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Sửa đổi, bổ sung tại Quyết định
số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh);*

*Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND
tỉnh về việc Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai
đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 464/TTr-STNMT ngày 06/9/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường thuộc dự án đường
Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú), cụ thể như sau:

1. Mục đích định giá đất: làm cơ sở bồi thường khi nhà nước thu hồi đất
thuộc dự án đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần
Phú).

2. Thông tin về khu đất cần định giá

a) Vị trí đất thu hồi: tại phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình
Phước.

b) Diện tích đất thu hồi: 12.025,4 m².

c) Mục đích sử dụng đất: Đất ở, đất trồng cây lâu năm.



3. Kết quả xác định giá đất.

TT	Loại đất, vị trí đất, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
A	Đơn giá đất ở đô thị			
1	Các thửa đất mặt tiền đường Trần Phú (Đoạn từ đường Quốc lộ 14 đến đường Lý Thường Kiệt).			
a	Phạm vi 1	13.500.000	35.051.000	2,60
b	Phạm vi 2	6.750.000	17.525.000	2,60
c	Phạm vi 3	5.400.000	14.020.000	2,60
d	Phạm vi 4	4.050.000	10.515.000	2,60
2	Các thửa đất mặt tiền đường Lê Duẩn (Đoạn từ đường Quốc lộ 14 đến đường Lý Thường Kiệt).			
a	Phạm vi 1	17.000.000	38.061.000	2,24
b	Phạm vi 2	8.500.000	19.031.000	2,24
c	Phạm vi 3	6.800.000	15.225.000	2,24
3	Các thửa đất mặt tiền đường Đồng Khởi - đoạn nối dài (Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên).			
a	Phạm vi 1	5.000.000	14.272.000	2,85
b	Phạm vi 2	2.500.000	7.136.000	2,85
4	Các thửa đất mặt tiền đường nhựa rộng dưới 4m nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt			
	Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Trãi nhựa	1.800.000	7.103.000	3,95
5	Các thửa đất mặt tiền đường rộng dưới 4m (không trải nhựa) nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14			
	Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Không trải nhựa	4.860.000	6.772.000	1,39
	Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 300-400m, Kết cấu: Không trải nhựa	4.252.500	6.772.000	1,59
6	Các thửa đất mặt tiền đường rộng dưới 4m (không trải nhựa) không nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt và đường Quốc Lộ 14			
	Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hẻm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, Chiều dài: 100m đầu, Kết	1.701.000	5.673.000	3,34

TT	Loại đất, vị trí đất, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
	<i>cầu: Trãi nhựa. Hèm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trải nhựa</i>			
	<i>Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hèm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài 200-300m, Kết cấu: Trãi nhựa. Hèm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trải nhựa</i>	1.360.800	5.673.000	4,17
	<i>Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hèm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Trãi nhựa. Hèm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trải nhựa</i>	1.134.000	5.673.000	5,00
	<i>Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hèm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài 100m đầu, Kết cấu: Không trải nhựa. Hèm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Không trải nhựa</i>	3.061.800	5.673.000	1,85
	<i>Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hèm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 300-400m, Kết cấu: Không trải nhựa. Hèm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trải nhựa</i>	2.679.075	5.673.000	2,12
	Các thửa đất còn lại không tiếp giáp đường giao thông tại vị trí còn lại			
7	<i>Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Vị trí còn lại phạm vi trên 50-100m</i>	900.000	2.000.000	2,22
	<i>Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Vị trí còn lại phạm vi trên 100m</i>	400.000	2.000.000	5,00

TT	Loại đất, vị trí đất, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Vị trí còn lại phạm vi trên 100m	400.000	2.000.000	5,00
B	Đơn giá đất trồng cây lâu năm			
1	Các thửa đất mặt tiền đường Trần Phú (Đoạn từ đường Quốc lộ 14 đến đường Lý Thường Kiệt)			
	Vị trí 1 (Từ phạm vi 1 đến phạm vi 4)	300.000	855.000	2,85
2	Các thửa đất mặt tiền đường Lê Duẩn (Đoạn từ đường Quốc lộ 14 đến đường Lý Thường Kiệt)			
	Vị trí 1 (Từ phạm vi 1 đến phạm vi 3)	300.000	855.000	2,85
3	Các thửa đất mặt tiền đường Đông Khởi - đoạn nối dài (Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên)			
	Vị trí 1 (Từ phạm vi 1 đến phạm vi 2)	300.000	783.000	2,61
4	Các thửa đất mặt tiền đường nhựa, đường bê tông rộng dưới 4m nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt và đường Quốc Lộ 14 (Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Trái nhựa và xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, 300-400m, Kết cấu: Không trái nhựa)			
	Vị trí 2	300.000	750.000	2,50
5	Các thửa đất mặt tiền đường rộng dưới 4m (không trái nhựa) không nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt và đường Quốc Lộ 14			
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hẻm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, Chiều dài: 100m đầu, 200-300m, Kết cấu: Trái nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trái nhựa; - Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn- Đường Lý Thường Kiệt). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Trái nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trái nhựa; - Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài 100m đầu, Kết cấu: Không trái nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 200-300m, Kết cấu: Không trái nhựa - Xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Hẻm chính: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 300-400m, Kết cấu: Không trái nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 2 đến dưới 4m, Chiều dài: 100m đầu, Kết cấu: Không trái nhựa 			
	Vị trí 2	300.000	646.000	2,15
6	Các thửa đất còn lại không tiếp giáp đường giao thông tại vị trí còn lại			
	Vị trí 4 (Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần	270.000	575.000	2,13

TT	Loại đất, vị trí đất, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Phủ đến Ngã 3 đường Lê Duẩn-Đường Lý Thường Kiệt). Vị trí còn lại phạm vi trên 50-100m)			
	Vị trí 4 (Xác định theo đường Lý Thường Kiệt (Đoạn từ đường Trần Phú đến Ngã 3 đường Lê Duẩn-Đường Lý Thường Kiệt). Vị trí còn lại phạm vi trên 100m và xác định theo đường Quốc Lộ 14 (Đoạn từ Ngã 4 Đồng Xoài đến đường Lê Duẩn). Vị trí còn lại phạm vi trên 100m)	120.000	575.000	4,79

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 16).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh